

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 611/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Huỳnh Quang T, sinh năm 1983; địa chỉ: 95 Phan Văn T, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trương Đình B, sinh năm 1984; địa chỉ: 95 Phan Văn T, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình Bảo B thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung: Huỳnh Quang Bảo N, sinh ngày 28/01/2014; Huỳnh Bảo A, sinh ngày 31/01/2015; Huỳnh Quang Bảo K, sinh ngày 30/7/2022.

Anh T và chị B tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 cháu Huỳnh Quang Bảo N, Huỳnh Bảo A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cháu Huỳnh Quang Bảo K cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B xác nhận vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh T và chị B đã nộp tại biên lai số AA/2021/0006339 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 11 tháng 8 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình Bảo B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Quang Bảo N (sinh ngày 28/01/2014), Huỳnh Bảo A (sinh ngày 31/01/2015) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cháu Huỳnh Quang Bảo K (sinh ngày 30/7/2022) cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B xác nhận vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh Quang T và chị Trương Đình B mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh T và chị B đã nộp tại biên lai số AA/2021/0006339 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND p. D, tp. H (ĐKKH số 07 ngày 10 tháng 7 năm 2014);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ